

Bản án số: 02/2019/HS-ST.
Ngày 19 - 02 - 2019.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BÌNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thành Triều.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Quốc Trí;
2. Ông Ngô Văn Khon.

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Thùy Trang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình tham gia phiên tòa:
Ông Trần Văn Thanh - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 25 tháng 01 và ngày 19 tháng 02 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình; mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 52/2018/TLST-HS ngày 03 tháng 12 năm 2018; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2019/HS-ST ngày 07/01/2019; và Quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2019/QĐ - ST ngày 25 tháng 01 năm 2019 đối với các bị cáo họ tên như sau:

1. **Trịnh Cuối G**, sinh năm: 1982; tại Đồng Tháp. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: khóm X, phường A, thị xã H, tỉnh Đồng Tháp.

Nghề nghiệp: Tài xế; Trình độ học vấn: 10/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Phật giáo; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Trịnh Văn S, sinh năm: 1946 và bà: Giang Thị L, sinh năm: 1956; Vợ: Đặng Thị L, sinh năm: 1983; Con: Trịnh Ngân Kh, sinh năm: 2009 và Trịnh Hoàng H, sinh năm: 2013; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo tại ngoại theo Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số: 25 ngày 15/9/2018 của Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện Thanh Bình; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. **Nguyễn Văn Hoài L**, sinh năm: 1989; tại Đồng Tháp. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: ấp Y, xã Th, huyện H, tỉnh Đồng Tháp.

Nghề nghiệp: Tài xế; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Văn H, sinh năm: 1955 và bà: Nguyễn Thị Ng, sinh năm: 1957; Vợ: Nguyễn Thị L, sinh năm: 1992; Con: Nguyễn Nhật L, sinh năm: 2016; Tiền án: Không;

Tiền sự: Ngày 18/01/2017 bị Ủy ban nhân dân thị xã H ra Quyết định số: 09 xử phạt vi phạm hành chính số tiền 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng), về hành vi “Buôn bán hàng cấm” chưa nộp phạt.

Bị cáo tại ngoại theo Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số: 26 ngày 15/9/2018 của Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện Thanh Bình; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Q (gọi tắt Công ty Q);

Người đại diện theo pháp luật: ông Lâm Văn C, sinh năm: 1974 – Chức vụ: Giám đốc;

Địa chỉ: đường H, phường A, thị xã H, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Tống Thanh Tr, sinh năm: 1977 (Có mặt tại phiên tòa);

Trú tại: khóm S, phường A, thị xã H, tỉnh Đồng Tháp.

- Người làm chứng:

1. Phạm Bích Ng, sinh năm: 1970 (có mặt);

Trú tại: khóm A, phường B, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

1. Lê Thị T, sinh năm: 1961 (có mặt);

2. Lê Thị Thùy V, sinh năm: 1972 (có mặt);

Trú tại: ấp A, xã Ph, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

3. Trần Vũ L, sinh năm: 1995 (vắng mặt);

4. Nguyễn Thành Th, sinh năm: 1997 (vắng mặt);

Trú tại: khóm T, thị trấn Th, tỉnh Đồng Tháp.

6. Nguyễn Văn Th, sinh năm: 1929 (vắng mặt);

Trú tại: ấp B, xã L, huyện H, tỉnh Đồng Tháp.

5. Nguyễn Thị T, sinh năm: 1959 (vắng mặt);

Trú tại: khóm C, phường A, thị xã H, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 03 giờ 20 phút ngày 11/8/2018, Đội Cảnh sát điều tra tội phạm Công an huyện Thanh Bình kết hợp với Công an thị trấn Th bắt quả tang trên xe ô tô biển số 66B-002.20 do Trịnh Cuối G điều khiển và Nguyễn Văn Hoài L là nhân viên phục vụ, có hành vi vận chuyển 3.298 (Ba nghìn hai trăm chín mươi tám) bao thuốc lá điếu ngoại nhập lậu, được cất giấu trong gầm xe ô tô; Công an huyện Thanh Bình tiến hành lập biên bản tạm giữ tang vật và niêm phong theo quy định.

Quá trình điều tra: Các bị cáo khai để có tiền tăng thêm thu nhập, các bị cáo đã nhận vận chuyển thuốc lá ngoại nhập lậu cho 03 người phụ nữ tên Phạm Bích Ng, sinh năm 1970 - trú tại: Khóm A, phường B, thành phố C; Lê Thị T, sinh năm 1961

và Lê Thị Thùy V, sinh năm 1972 - cùng trú tại: xã Ph, huyện C với số tiền mỗi người là 100.000đ, tổng cộng là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

Bị cáo G là tài xế xe, còn bị cáo L là nhân viên phục vụ trên xe ô tô khách của Công ty Q; trụ sở tại: khóm B, phường A, thị xã H, tỉnh Đồng Tháp do ông Lâm Văn C làm Giám đốc; kinh doanh vận tải hành khách tuyến thị xã H đi Thành phố Hồ Chí Minh. Khoảng 01 giờ 40 phút ngày 11/8/2018, các bị cáo được phân công và giao xe cho các bị cáo đón khách đi Thành phố Hồ Chí Minh, các bị cáo còn có nhiệm vụ bảo đảm an toàn cho hành khách, kiểm tra hàng hóa trước khi mang lên xe theo quy định của Công ty.

Khoảng 02 giờ cùng ngày các bị cáo cho xe xuất bến, khi xe chạy đến khu vực C gần nhà trọ B thuộc xã A, thị xã H thì có 03 hành khách tên Phạm Bích Ng, Lê Thị T, Lê Thị Thùy V đón xe và có mang theo nhiều đồ vật bên trong cất giấu nhiều bao thuốc lá điều ngoại nhập lậu gồm: Ng có 04 túi xách màu đen, 01 ba lô màu đen và trong 01 bọc nylon màu đen, cất giấu tổng cộng 1.185 bao; Lê Thị T có 02 túi xách màu đen, 01 ba lô màu đỏ đen, 03 cái bọc nylon màu đen, cất giấu tổng cộng 1.094 bao; Lê Thị Thùy V có 01 ba lô màu đỏ đen, 02 túi xách màu đen, 02 bọc nylon màu đen, cất giấu tổng 1.019 bao. Các bị cáo đều biết Ng, T, V là bạn hàng mua thuốc lá nhập lậu đem bán kiếm lời, nên đồng ý nhận rước vận chuyển đến khu vực xã Ph, huyện C và chợ T thành phố C. Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Vật chứng gồm:

- 3.298 (Ba nghìn hai trăm chín mươi tám) bao thuốc lá điều ngoại nhập lậu, gồm nhãn hiệu Hero là 1.405 bao, nhãn hiệu Jet là 994 bao, nhãn hiệu Nelson 899 bao; 06 bọc nylon, màu đen; 08 túi xách, màu đen; 01 ba lô, màu đỏ đen; 01 ba lô, màu đỏ đen; 01 ba lô, màu đen. Cơ quan điều tra đã tách hồ sơ cùng với số tang vật trên để xử lý hành chính đối với chị Ng, T, V theo quy định.

- 01 xe ô tô khách biển số 66B-002.20, nhãn hiệu Thaco, loại xe ô tô khách 44 giường, số loại: TB120SL, màu xanh trắng, số máy: N1414K070074, số khung: 6SBCFC003210; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 002598, ngày 13/4/2015; 01 giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ số: 5019456, ngày 9/4/2018; 01 giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của chủ xe ô tô số 002744166, ngày 9/4/2018. Quá trình điều tra xác định các tài sản trên thuộc sở hữu của Công ty Q, việc các bị cáo G và L lợi dụng hoạt động vận chuyển hành khách để vận chuyển hàng cấm thuốc lá điều ngoại nhập lậu, Công ty Q hoàn toàn không biết; nên Cơ quan điều tra đã trao trả xe cùng các tài liệu nêu trên cho Công ty Q.

- 01 (Một) giấy chứng minh nhân dân của Trịnh Cuối G và 01 (Một) giấy chứng minh nhân dân của Nguyễn Văn Hoài L; Cơ quan điều tra đã trao trả cho các bị cáo xong.

- 01 (Một) giấy phép lái xe số 790119271812, của bị cáo Trịnh Cuối G ngày 14/9/2016 do Sở Giao thông vận tải thành phố Hồ Chí Minh cấp.

- 03 (Ba) tờ tiền Việt Nam đồng, mỗi tờ mệnh giá 100.000 đồng, loại tiền giấy Polime, tổng cộng là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) là tiền thu lợi bất chính.

- 01 (Một) Lệnh vận chuyển dùng cho xe ô tô vận chuyển hành khách tuyến cố định, có giá trị từ ngày 11/08 đến ngày 19/08/2018 của Công ty Q; 01 hóa đơn bán hàng số: 0006383, ngày 11/8/2018 của Ban Quản lý công trình công cộng thị xã H, tỉnh Đồng Tháp (Lưu giữ kèm theo hồ sơ vụ án).

Về trách nhiệm dân sự: Công ty Q không có yêu cầu các bị cáo bồi thường thiệt hại tài sản.

Đối với Ng, T, V đều thừa nhận số thuốc lá nêu trên là của các đối tượng và chỉ thuê các bị cáo vận chuyển nên không phải đồng phạm. Hành vi của Ng, T, V có tính độc lập và số lượng thuốc lá của từng người mua chưa đủ định lượng, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra tách hồ sơ cùng với tang vật để xử lý hành chính theo quy định.

Tại Cáo trạng của Viện kiểm sát huyện Thanh Bình truy tố các bị cáo về tội “*Vận chuyển hàng cấm*” theo điểm e khoản 2 Điều 191 của Bộ luật hình sự năm 2015. Về tình tiết giảm nhẹ cho các bị cáo theo quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự; về tình tiết tăng nặng: Không có.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử tuyên phạt bị cáo G từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù, nhưng cho hưởng án treo và thời gian thử thách là 05 năm; đồng thời phạt bổ sung bị cáo G từ 10.000.000đ đến 15.000.000đ. Xử phạt bị cáo L từ 06 đến 09 tháng tù, thời gian chấp hành án được tính kể từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

Về vật chứng: Đề nghị xử lý theo quy định pháp luật.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo Trịnh Cuối G, Nguyễn Văn Hoài L thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, như nội dung cáo trạng đã truy tố.

[1] Xét lời khai nhận của Bị cáo G và bị cáo L là phù hợp với lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án về thời gian, không gian, địa điểm xảy ra tội phạm, phù hợp với nội dung cáo trạng của Viện kiểm sát. Để có tiền chia nhau tiêu xài, các bị cáo lợi dụng việc vận chuyển hành khách đi Thành phố Hồ Chí Minh cho Công ty Q, để vận chuyển 3.298 (Ba nghìn hai trăm chín mươi tám) bao thuốc lá ngoại nhập lậu từ thị xã H đến khu vực huyện C và thành phố C với giá 300.000đ (Ba trăm

ng nghìn đồng) cho 03 đối tượng. Hành vi của các bị cáo xâm hại đến trật tự quản lý kinh tế, đủ yếu tố cấu thành tội “Vận chuyển hàng cấm” nên các bị cáo phải chịu trách nhiệm.

Hành vi của các bị cáo cần phải được xử lý trước pháp luật, nhằm răn đe giáo dục cho các bị cáo trở thành người có ích cho gia đình và xã hội, đồng thời để phòng ngừa chung trong toàn xã hội. Xét thấy hành vi của Bị cáo G và bị cáo L đã đủ yếu tố cấu thành tội “Vận chuyển hàng cấm” theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 191 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Điều 191 Bộ luật hình sự quy định:

1. Người nào tàng trữ, vận chuyển hàng cấm thuộc một trong các trường hợp sau đây, nếu không thuộc trường hợp quy định tại các điều 232, 234, 239, 244, 246, 249, 250, 253, 254, 304, 305, 306, 309 và 311 của Bộ luật này, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 300.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

a)

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây thì bị phạt tiền từ 300.000.000 đồng đến 1.000.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 02 năm đến 05 năm.

e) Thuốc lá điếu nhập lậu từ 3.000 bao đến dưới 4.500 bao;

g)

Tuy nhiên khi quyết định hình phạt đối với các bị cáo, Hội đồng xét xử đã cân nhắc, xem xét tính chất mức độ hành vi phạm tội, nhân thân và thái độ của các bị cáo nhằm giảm nhẹ phần nào hình phạt cho các bị cáo.

Tại phiên tòa hôm nay và trong quá trình điều tra, bị cáo G thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo đã tự nguyện nộp lại tiền thu lợi bất chính; bị cáo có cha là ông Trịnh Văn S được tặng quân chương hạng nhì, trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước; bị cáo chưa có tiền án, tiền sự và có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng. Do đó, Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự; đồng thời, xét thấy không cần phải bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù, mà cho bị cáo được hưởng án treo là phù hợp theo quy định tại Điều 65 Bộ luật hình sự và Nghị quyết số: 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Đối với bị cáo L tại phiên tòa hôm nay và trong quá trình điều tra, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo đã tự nguyện nộp lại tiền thu lợi bất chính; bị cáo có cha là ông Nguyễn Văn H đi bộ đội ở chiến trường Campuchia (đã xuất ngũ) và ông nội tên Nguyễn Văn L có giấy chứng nhận tham gia cách mạng từ năm 1960 – 4/1975; bị cáo có hoàn cảnh gia đình nhiều khó khăn không có đất sản xuất, bản thân bị cáo quanh năm phải đi làm thuê kiếm tiền về nuôi vợ và con nhỏ. Do đó, Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo theo quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự; đồng thời, để thực hiện chính sách nhân đạo của Đảng và Nhà nước ta hiện nay đối với người phạm tội, và để tạo điều kiện cho bị cáo sớm được trở về đoàn tụ gia đình để chăm

lo cuộc sống cho vợ và con nhỏ; nên xem xét cho bị cáo được hưởng hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt theo quy định tại Điều 54 của Bộ luật hình sự là phù hợp theo quy định pháp luật.

Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo G điều kiện kinh tế gia đình ổn định và bị cáo được hưởng án treo, nên bị cáo có điều kiện để thực hiện nghĩa vụ phạt tiền theo quy định; do đó, phạt bổ sung bị cáo G bằng tiền: 10.000.000đ (Mười triệu đồng) là phù hợp theo quy định tại khoản 4 Điều 191 của Bộ luật hình sự.

Riêng đối với bị cáo L hiện nay hoàn cảnh gia đình đang gặp nhiều khó khăn, bị cáo còn phải thực hiện nghĩa vụ nộp phạt theo Quyết định số: 09 ngày 18/01/2017 của Ủy ban nhân dân thị xã H xử phạt vi phạm hành chính số tiền 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng); đồng thời, bị cáo phải chấp hành hình phạt tù theo quy định. Do đó, không áp dụng hình phạt phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo L là phù hợp theo quy định pháp luật.

[2] Về vật chứng: Áp dụng Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; tịch thu và trả lại số vật chứng như sau:

- Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước số tiền thu lợi bất chính 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

- Trả lại cho bị cáo Trịnh Cuối G 01 giấy phép lái xe số 790119271812, ngày 14/9/2016 do Sở Giao thông vận tải thành phố Hồ Chí Minh cấp.

(Theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 12/12/2018 của Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện Thanh Bình và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Th).

- Thu giữ kèm theo hồ sơ vụ án 01 (Một) Lệnh vận chuyển dùng cho xe ô tô vận chuyển hành khách tuyến cố định, có giá trị từ ngày 11/08 đến ngày 19/08/2018 của Công ty TNHH MTV Q; 01 hóa đơn bán hàng số 0006383, ngày 11/8/2018 của Ban Quản lý công trình công cộng thị xã H, tỉnh Đồng Tháp.

[3] Về trách nhiệm dân sự: Không có; do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét giải quyết.

[4] Đối với đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử thấy rằng quan điểm của Kiểm sát viên phù hợp với chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa, chứng cứ trong hồ sơ vụ án và tình tiết khách quan của vụ án; nên được Hội đồng xét xử xem xét giải quyết.

Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm;

Bị cáo, đương sự có quyền kháng cáo bản án theo luật định;

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố các bị cáo Trịnh Cuối G và Nguyễn Văn Hoài L phạm tội “Vận chuyển hàng cấm”.

1. Áp dụng Khoản 2 Điều 191; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 2 Nghị quyết số:

02/2018/NQ-HĐTP, ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

- Xử phạt bị cáo Trịnh Cuối G 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo; thời gian thử thách là 05 (Năm) năm, được tính kể từ ngày tuyên án (ngày 19/02/2019).

Giao bị cáo Trịnh Cuối G cho UBND phường A, thị xã H, tỉnh Đồng Tháp giám sát và giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo Trịnh Cuối G thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

- Áp dụng khoản 4 Điều 191 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; xử phạt bổ sung đối với bị cáo Trịnh Cuối G hình thức bằng tiền là 10.000.000đ (Mười triệu đồng).

2. Áp dụng Khoản 2 Điều 191; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Hoài L 07 (Bảy) tháng tù. Thời hạn tù được tính kể từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

3. Về vật chứng: Áp dụng Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

- Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước số tiền thu lợi bất chính 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

- Trả lại cho bị cáo Trịnh Cuối G 01 giấy phép lái xe số 790119271812, ngày 14/9/2016 do Sở Giao thông vận tải thành phố Hồ Chí Minh cấp.

(Theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 12/12/2018 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Thanh Bình và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Th).

- Thu giữ kèm theo hồ sơ vụ án 01 (Một) Lệnh vận chuyển dùng cho xe ô tô vận chuyển hành khách tuyến cố định, có giá trị từ ngày 11/08 đến ngày 19/08/2018 của Công ty Q; 01 hóa đơn bán hàng số 0006383, ngày 11/8/2018 của Ban Quản lý công trình công cộng thị xã H, tỉnh Đồng Tháp.

4. Về án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Bị cáo Trịnh Cuối G và bị cáo Nguyễn Văn Hoài L mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, đương sự có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp, trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- Sở tư pháp tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Thanh Bình;
- CA huyện Thanh Bình;
- THADS huyện Th;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu VPTA & hồ sơ vụ án.

Phạm Thành Triều